

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12/10/2018

“V/v Ly hôn giữa anh N và chị T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các hội thẩm nhân dân: ông Trần Quốc Đẩu và bà Phạm Thị Tố Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Minh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện VKSND thành phố Vinh tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 563/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2018/QĐXXST –HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Lê Văn N, sinh năm 1963. Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: khối 12, phường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: chị Võ Thị T, sinh năm 1971.

Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu 13, thị trấn S, huyện S, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: số nhà 43, đường B, quận K, thành phố Hà Nội. Chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 6 năm 2018; bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn là anh Lê Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Võ Thị T là vợ chồng lấy nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã L, huyện T, tỉnh Nghệ Tĩnh (nay là tỉnh Hà Tĩnh) cấp ngày 22/01/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc tại S, tỉnh Hòa Bình đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống, không còn phù hợp, kinh tế gia đình sa sút, ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ chồng. Vợ chồng đã vì con cái mà tự hòa giải với nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Năm 2016, anh đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Hòa Bình nhưng sau đó rút đơn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015, không quan tâm, chăm sóc gì lẫn nhau từ đó đến nay. Kể từ tháng 8/2017 đến nay, anh đã về thành phố V, tỉnh Nghệ An sinh sống, còn chị T và hai con xuống Hà Nội thuê trọ làm ăn. Nay anh N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên yêu cầu Tòa án xử cho được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống. Trước khi làm đơn ly hôn, anh và chị T đã có đơn xin chọn Tòa án nhân dân thành phố Vinh là nơi giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng.

Về quan hệ nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lê Hồng L, sinh ngày 29/8/1990 và Lê Hồng N, sinh ngày 26/11/1993. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành và đang ở cùng với chị T nên nếu vợ chồng ly hôn thì ở với ai là quyền các con.

Về quan hệ chia tài sản: anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn là chị Võ Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai và Biên bản lấy lời khai đề ngày 04/9/2018, chị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị T thống nhất với anh N về thời gian, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đúng như anh N trình bày. Chị T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do do tính tình, quan điểm sống, không còn phù hợp. Năm 2016, anh N đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Hòa Bình nhưng vì lúc đó chị cố gắng níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh N rút đơn. Vợ chồng đã vì con cái mà tự hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015, từ giữa năm 2017 anh N đã về Nghệ An sinh sống, còn chị và hai con xuống Hà Nội thuê trọ làm ăn; vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì lẫn

nhau từ đó đến nay. Đến nay chị cũng xét thấy: tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đồng ý ly hôn anh N; mặc dù chị có đăng ký thường trú tại huyện S, tỉnh Hòa Bình nhưng chỗ ở hiện nay là ở Hà Nội (không đăng ký tạm trú) nên để thuận tiện cho việc ly hôn vợ chồng đã có đơn thỏa thuận xin chọn Tòa án nhân dân thành phố Vinh là nơi giải quyết vụ án ly hôn. Chị T cũng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, chị cũng không muốn gặp mặt trực tiếp anh N để làm việc.

Về quan hệ nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lê Hồng L, sinh ngày 29/8/1990 và Lê Hồng N, sinh ngày 26/11/1993. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành và đang ở cùng với chị T nên nếu vợ chồng ly hôn thì ở với ai là quyền các con.

Về quan hệ chia tài sản: chị T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tại điều **70, 71, 72 BLTTDS**

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: xử cho anh Lê Văn N được ly hôn chị Võ Thị T; về con chung: các con chung đã trưởng thành nên ở với ai là tùy các cháu; về tài sản chung: anh N và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét; về án phí: anh N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Võ Thị T không cư trú tại thành phố V, tỉnh Nghệ An nhưng các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vinh giải quyết vụ án ly hôn nên Tòa án nhân dân thành phố Vinh thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều

39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại điều 207 BLTTDS; Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Văn N và chị Võ Thị T là vợ chồng lấy nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã L, huyện T, tỉnh Nghệ Tĩnh (nay là tỉnh Hà Tĩnh) cấp ngày 22/01/1990, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét quá trình chung sống giữa anh N và chị T thấy rằng: quá trình chung sống anh N và chị T có phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đều thừa nhận nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống, không còn phù hợp, đã sống ly thân không quan tâm chăm sóc gì đến nhau từ năm 2015, hiện tại vợ chồng không còn tình cảm, đều có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống. Kết quả xác minh tại nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú hiện tại của các đương sự cũng cho thấy hiện tại chị T và anh N không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N và chị T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh N yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình chung sống anh N và chị T có 02 con chung là Lê Hồng Linh, sinh ngày 29/8/1990 và Lê Hồng Ngọc, sinh ngày 26/11/1993. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành nên có quyền lựa chọn nơi cư trú theo nguyện vọng.

Về quan hệ chia tài sản chung: anh N và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: anh N phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 53, 56, khoản 4 điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Văn N và chị Võ Thị T

- Về quan hệ con chung: các con chung là Lê Hồng L, sinh ngày 29/8/1990 và Lê Hồng N, sinh ngày 26/11/1993 đã đủ tuổi trưởng thành nên có quyền lựa chọn nơi cư trú theo nguyện vọng.

- Về quan hệ chia tài sản chung: anh N và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: anh Lê Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Ng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo biên lai số **0004731** ngày **02/7/2018**.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND TP. Vinh
- Chi cục THADS TP. Vinh
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh
- Các đương sự
- Lưu HS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Nhung